

Thành tựu trong chuyển dịch cơ cấu ngành nghề ở Việt Nam giai đoạn 2015-2020

Phạm Thị Bích Phượng
Tống Thị Thanh Hoa

Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Thái Bình

Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế là một quá trình tất yếu gắn liền với sự phát triển kinh tế của một quốc gia, đặc biệt là với sự phát triển trong quá trình hội nhập khu vực và thế giới. Việt Nam là một quốc gia đang phát triển, cùng với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo vùng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành là hình thái quan trọng mang đến sự chuyển biến thực chất cho nền kinh tế: kinh tế tăng trưởng ổn định, tạo ra nhiều việc làm mới, giảm tỷ lệ thất nghiệp, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người dân.

1. Mở đầu

Những năm gần đây, cơ cấu kinh tế của Việt Nam đang có sự chuyển dịch rất mạnh, đã tạo ra sự thay đổi lớn trong tỷ trọng các ngành thể hiện rõ ở việc giảm tỷ trọng các ngành ở khu vực 1, tăng tỷ trọng các ngành ở khu vực 2 và 3. Ngoài ra còn có sự phân hóa theo từng khu vực, ở khu vực 1 có xu hướng giảm tỷ trọng các ngành lâm nghiệp, trồng trọt và chăn nuôi, tăng tỷ trọng ngành khai thác, nuôi trồng thủy - hải sản. Khu vực 2 có xu hướng giảm tỷ trọng ngành công nghiệp khai thác và tăng tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến. Khu vực 3 có xu hướng tăng mạnh các lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị. Sở dĩ có sự phân hóa mạnh như vậy là do Nhà Nước có chủ trương phát triển kinh tế theo định hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, đẩy mạnh phát triển toàn diện mọi khía cạnh của đất nước.

Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam hướng đến sự phù hợp với năng lực, trình độ lao động trong điều kiện kinh tế - xã hội ứng với từng giai đoạn phát triển kinh tế của đất nước. Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế cho phép khai thác tối đa thế mạnh của từng ngành. Cùng với đó, chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế cũng cho phép Nhà nước phân phối nguồn lực hợp lý cho từng ngành, tập trung xây dựng, tổng hợp những nguồn lực quốc gia là cơ sở để đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.

2. Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

2.1. Cơ cấu ngành kinh tế

Cơ cấu ngành kinh tế là tương quan giữa các ngành trong tổng thể nền kinh tế, thể hiện mối quan

hệ hữu cơ và sự tác động qua lại cả về số lượng và chất lượng giữa các ngành với nhau. Các mối quan hệ này được hình thành trong những điều kiện kinh tế nhất định, luôn vận động và hướng vào những mục tiêu cụ thể. Như vậy, cần phải hiểu cơ cấu ngành kinh tế theo những nội dung sau:

Thứ nhất là số lượng các ngành kinh tế được hình thành: Số lượng ngành kinh tế không cố định, nó luôn được hoàn thiện theo sự phát triển của phân công lao động xã hội. Theo thời gian đã có nhiều cách phân loại ngành kinh tế khác nhau, để thống nhất cách phân loại ngành, Liên Hợp Quốc đã ban hành "Hướng dẫn phân loại ngành theo chuẩn quốc tế đối với toàn bộ các hoạt động kinh tế". Theo tính chất công việc, Liên Hợp Quốc đã gộp các ngành phân loại thành ba khu vực hay còn gọi là ba ngành gộp: Khu vực 1 bao gồm các ngành nông - lâm - ngư nghiệp; khu vực 2 bao gồm các ngành công nghiệp và xây dựng; khu vực 3 bao gồm các ngành dịch vụ.

Thứ hai là mối quan hệ tương đối giữa các ngành với nhau: Mối quan hệ này bao gồm cả mặt số lượng và chất lượng. Mặt số lượng thể hiện ở tỷ trọng (tính theo GDP, lao động, vốn...) của mỗi ngành trong tổng thể nền kinh tế quốc dân còn khía cạnh chất lượng phản ánh vị trí tầm quan trọng của từng ngành và tính chất của sự tác động qua lại giữa các ngành với nhau.

2.2. Xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành

Xu hướng có tính quy luật chung của sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế là chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, nghĩa là tỷ trọng và vai trò của ngành công nghiệp và dịch vụ có xu hướng tăng nhanh còn tỷ trọng của ngành nông nghiệp có xu hướng giảm dần. Kinh nghiệm thế giới cho thấy muốn chuyển từ một nền kinh tế nông

ngành sang nền kinh tế công nghiệp đều phải trải qua các bước: chuyển từ nền kinh tế nông nghiệp (tỷ trọng ngành nông nghiệp chiếm 40% - 60%, công nghiệp chiếm 10% - 20%, dịch vụ chiếm 10% - 30%) sang nền kinh tế công nông nghiệp (tỷ trọng ngành nông nghiệp chiếm 15% - 25%, công nghiệp chiếm 25% - 35%, dịch vụ chiếm 40% - 50%), để từ đó chuyển sang nền kinh tế công nghiệp phát triển (tỷ trọng ngành nông nghiệp dưới 10%, công nghiệp chiếm 35% - 40%, dịch vụ chiếm 50% - 60%).

Theo tính chất mối quan hệ kinh tế với nước ngoài thì cơ cấu ngành còn được dựa theo cơ cấu ngành đóng, cơ cấu ngành hướng ngoại và cơ cấu mở hỗn hợp. Cơ cấu ngành đóng hay còn gọi là cơ cấu hướng nội, được tổ chức dựa trên cơ cấu tiêu dùng của dân cư. Nhược điểm của cơ cấu này là nền kinh tế không có tính cạnh tranh quốc tế, không tranh thủ được sự giúp đỡ của quốc tế. Cơ cấu hướng ngoại là hướng tổ chức ngành kinh tế trong nước theo những dấu hiệu quốc tế về giá cả, cầu thị trường quốc tế, nghĩa là cá nhân người sản xuất và người tiêu dùng đều hướng ra thị trường quốc tế. Nhược điểm của cơ cấu này là nền kinh tế phụ thuộc vào sự biến động của quốc tế, hạ thấp đồng tiền trong nước. Cơ cấu mở hỗn hợp là cơ cấu vừa chấp nhận giao lưu thương mại quốc tế vừa không phân biệt thị trường, nghĩa là coi trọng cả thị trường trong nước và thị trường quốc tế. Xu hướng của Việt Nam hiện nay là thực hiện cơ cấu mở hỗn hợp.

3. Thành tựu trong chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam

Trong giai đoạn 2015-2020, kinh tế Việt Nam có sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng hiện đại, giảm dần nguồn lực cho khu vực 1, tăng dần nguồn lực cho khu vực 2 và khu vực 3. Nhờ đó, nền kinh tế thu hút ngày càng nhiều các nguồn lực quan trọng. Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế góp phần quan trọng vào thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Việt Nam theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Một trong những thành tựu kinh tế quan trọng thể hiện rõ nhất của Việt Nam trong giai đoạn 2015-2020 là tốc độ tăng trưởng kinh tế. Trong giai đoạn 2015-2020, kinh tế Việt Nam có tốc độ tăng trưởng trung bình là 6,76%/năm, đạt mục tiêu "tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm đạt từ 6,5%-7%/năm" mà Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng năm 2016 đã đề ra. Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, sự suy thoái kinh tế diễn ra trên toàn cầu, trong bối cảnh đó nền kinh tế Việt Nam cũng vượt qua không ít khó khăn để đạt tốc độ tăng trưởng dương (2,91%), tuy không đạt được mục tiêu đề ra nhưng Việt Nam thuộc nhóm các nước có mức tăng trưởng cao nhất

thế giới, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp.

Cùng với tốc độ tăng cao liên tục và khá ổn định của GDP trong những năm gần đây, cơ cấu ngành kinh tế đã có sự thay đổi đáng kể theo hướng tích cực. Tỷ trọng khu vực 1 đã giảm, tăng tỷ trọng khu vực 2 và khu vực 3 trong tổng giá trị GDP. Điều này chứng tỏ xu thế tiến bộ, phù hợp với xu hướng chuyển dịch cơ cấu trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước nhằm góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng và củng cố tiềm lực kinh tế đất nước.

Bảng 1: Tỷ trọng 3 khu vực trong tổng GDP giai đoạn 2015-2020

Năm	Tỷ trọng Khu vực 1 (%)	Tỷ trọng Khu vực 2 (%)	Tỷ trọng Khu vực 3 (%)
2015	18,17	38,58	43,25
2016	17,34	39,09	43,57
2017	16,69	39,50	43,81
2018	16,16	40,22	43,73
2019	15,39	40,39	43,82
2020	15,34	41,15	43,51

Nguồn: Tổng cục thống kê

Trong nội bộ cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn cũng có sự chuyển dịch ngày càng tích cực. Sự chuyển dịch cơ cấu trong ngành nông nghiệp đã tác động tích cực đến chuyển dịch cơ cấu lao động xã hội nông thôn, mà biểu hiện rõ nhất là thúc đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu hộ nông thôn theo hướng ngày càng tăng thêm các hộ làm công nghiệp, thương mại và dịch vụ, trong khi số hộ làm nông nghiệp thuần túy giảm dần. Đối với công nghiệp, cơ cấu ngành và cơ cấu sản phẩm đang có sự thay đổi để phù hợp hơn với nhu cầu của thị trường. Ngành Công nghiệp chế biến tăng tỷ trọng, trong khi công nghiệp khai thác có chiều hướng giảm.

Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế đã làm thay đổi cơ cấu lao động nước ta, cơ cấu lao động giai đoạn 2015-2020 có sự chênh lệch khá lớn giữa các khu vực kinh tế. Năm 2015 cơ cấu lao động KV1 chiếm tới 45,73%; KV2 chiếm 24,19%; KV3 chiếm 30,08%, thì đến năm 2020 tỷ trọng lao động trong các KV1, 2, 3 lần lượt là: 34,78%; 32,65%; 32,57%. Nhờ có sự chuyển dịch cơ cấu lao động một cách hợp lý và hiệu quả, tỷ lệ thất nghiệp tại Việt Nam chưa vượt quá 2,31% trong giai đoạn 2015-2020 và có xu hướng giảm dần. Tỷ lệ thất nghiệp trung bình ở mức 2,18% (thấp hơn so với mục tiêu 4% mà Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII năm 2016 đã đề ra).

Sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế đã tạo ra sự chuyển biến tích cực trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam. 5 năm qua, Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới để tìm kiếm thị trường, mở rộng hoạt động thương mại toàn cầu. Trong giai đoạn 2015-2020, Việt Nam mở rộng, giao thương hàng

hóa với các nước trong khu vực châu Á, cũng như các khu vực khác trên thế giới. Nhờ đó, hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đã đạt mức tăng trưởng tích cực.

Bảng 2: Cán cân thương mại của Việt Nam giai đoạn 2015-2020

Năm	Xuất khẩu (Tỷ USD)	Nhập khẩu (Tỷ USD)	Cán cân thương mại (Tỷ USD)
2015	162,40	165,60	-3,2
2016	175,90	173,30	2,6
2017	213,77	211,10	2,67
2018	244,72	237,51	7,21
2019	263,45	253,51	9,94
2020	281,50	262,40	19,1

Nguồn: Tổng cục thống kê

Mặc dù đã đạt được nhiều thành tựu trong chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nhưng so với đòi hỏi đặt ra, tốc độ chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế còn chậm và chất lượng chưa cao. Ngành công nghiệp tuy có tốc độ tăng trưởng cao, tuy nhiên yếu tố hiện đại trong toàn ngành chưa được chú ý đúng mức, trình độ kỹ thuật công nghệ nhìn bao quát, vẫn ở mức trung bình, ngành công nghiệp chế biến, đặc biệt là những ngành công nghệ cao chưa phát triển. Những ngành dịch vụ có hàm lượng chất xám và thành quả nâng cao như dịch vụ tín dụng, dịch vụ tư vấn chậm phát triển, trạng thái độc quyền dẫn tới giá cả dịch vụ cao, chất lượng dịch vụ thấp còn hiện hữu ở nhiều ngành như điện lực, đường sắt. Một vài ngành có tính chất động lực như giáo dục, khoa học - công nghệ, thuộc tính xã hội hoá còn thấp, chủ yếu phụ thuộc vào nguồn vốn của Nhà nước.

4. Kết luận và kiến nghị

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng cũng xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021-2025): Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm đạt khoảng 6,5 - 7%/năm; Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị đến năm 2025 dưới 4%; Sự đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt khoảng 45%; Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt trên 25%; Kinh tế số đạt khoảng 20% GDP; Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đạt khoảng 25%. Trên cơ sở định hướng về phát triển kinh tế - xã hội và kết quả phân tích thành tựu đã đạt được, những tồn tại trong chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, nghiên cứu đã đề xuất một số kiến nghị nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam theo hướng phát triển ổn định, bền vững như sau:

Thứ nhất, giải quyết tình trạng thất nghiệp thời vụ trong khu vực 1 bằng cách đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp theo hướng xen canh, tăng vụ... Mở rộng chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản; sử dụng máy móc, thiết bị thay thế lao động, áp dụng công nghệ sinh học nhằm tăng sản lượng phù hợp khả năng vốn, trình độ kỹ thuật để giải phóng lao động khỏi khu vực này và chuyển

dịch sang các khu vực khác. Để nâng cao năng suất lao động, cần có sự hỗ trợ của Chính phủ về nhiều mặt như hệ thống thủy lợi, tưới tiêu, hệ thống vận tải, hệ thống giáo dục và điện khí hóa nông thôn...

Thứ hai, tận dụng lợi thế về nông, lâm, ngư nghiệp để phát triển khu vực này theo hướng bền vững và ổn định, cần tập trung công nghiệp hóa vào các ngành chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống, đồ gỗ, thủ công mỹ nghệ,... Một mặt, nhằm nâng cao giá trị sản phẩm, phát triển các ngành công nghiệp sản xuất các yếu tố đầu vào cho nông nghiệp, hạn chế nhập khẩu. Mặt khác, giải quyết công ăn, việc làm cho lao động ở nông thôn.

Thứ ba, ngành công nghiệp cần phát triển theo hướng tận dụng các nguyên liệu có sẵn trong nước để thay thế các nguyên liệu nhập khẩu và hướng tới xuất khẩu; ngành khai khoáng nên tập trung nâng cao giá trị sản phẩm bằng cách sản xuất, chế biến các thành phẩm, sản phẩm trung gian cung ứng cho ngành công nghiệp và đẩy mạnh xuất khẩu.

Thứ tư, Khu vực 1 và Khu vực 2 phát triển bền vững sẽ tạo ra công ăn, việc làm, thu nhập cho người lao động và tạo ra nhiều sản phẩm nội địa chất lượng cao thì khu vực dịch vụ sẽ tự phát triển mạnh; đồng thời, hạn chế nhập khẩu và tăng cường xuất khẩu. Tuy nhiên, muốn phát triển bền vững, ngoài các dịch vụ đáp ứng nhu cầu trong nước cần tập trung khai thác đẩy mạnh vào những ngành "mũi nhọn" của Việt Nam như du lịch, các sự kiện trong và ngoài nước... nhằm quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam đến các nước trên thế giới./.

Tài liệu tham khảo

- Tổng cục thống kê (2021), Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội các năm 2010 đến 2020
- Phí Thị Hồng Linh, Bùi Đức Tuấn và Trần Văn Thành (2020), Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và định hướng giải pháp giai đoạn 2021-2030, Tạp chí kinh tế và dự báo số 4 tháng 01/2020;
- Trịnh Việt Tiến (2020), Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế đáp ứng hội nhập và phát triển bền vững của Việt Nam hiện nay: Một số vấn đề trao đổi, Tạp chí công thương số 10 tháng 5/2020;
- Bùi Quốc Toàn (2020), Nâng cao giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế giai đoạn 2015-2020.